TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 11- 2025
V/v ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh
Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp TT, xã HA, huyện GR, tỉnh KG 9nay là ấp TT, xã HH, tỉnh AG)

− *Bị đơn:* Anh Tô Phước H, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp TT, xã HA, huyện GR, tỉnh KG 9nay là ấp TT, xã HH, tỉnh AG).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện chị Huỳnh Thị Ngọc M nguyên đơn trình bày: Chị M và anh Tô Phước H tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn chị và anh H không được hạnh phúc thường xuyên cự cải. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh H không quan tâm chăm sóc lo lắng cho gia đình cũng như anh H hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm, ngược đãi chị ngày

càng nhiều. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng anh H, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tô Phước H.

Về con chung: Chị M và anh H có với nhau một người con chung tên Tô Thị Phương Tr, sinh ngày 08/5/2014, hiện đang sống cùng với chị. Chị M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn bản tự khai và đơn đề nghị vắng mặt bị đơn anh Tô Phước H trình bày: Anh H và chị Huỳnh Thị Ngọc M tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nay vợ chồng không còn phù hợp với nhau. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con anh đồng ý giao con chung Tô Thị Phương Tr, sinh ngày 08/5/2014, cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung nợ chung anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời do công việc đi lại khó khăn nên xin vắng mặt.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc M, bị đơn anh Tô Phước H có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về hôn nhân: Chị M, anh Tô Phước H có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc nên cả hai đã đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc M với anh Tô Phước H.

Về con chung: Chị M và anh H có một người con chung Tô Thị Phương Tr, sinh ngày 08/5/2014, anh H đồng ý giao con cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị M không yêu cầu.

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp TT, xã HA, huyện GR, tỉnh KG 9nay là ấp TT, xã HH, tỉnh AG) nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân kh vực 5 - An Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ngọc M và anh Tô Phước H là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đúng thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị M cho rằng giữa chị anh H thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh H đã ly thân. Đối với bị đơn thống nhất ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa của chị M đối với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh H có với nhau một người con chung tên Tô Thị Phương Tr, sinh ngày 08/5/2014, hiện đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu nuôi con, anh H đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị M anh H giao cháu Tô Thị Phương Tr, sinh ngày 08/5/2014, cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Cháu Tr có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh H xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Huỳnh Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227 Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc M với anh Tô Phước H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Tô Thị Phương Tr, sinh ngày 08/5/2014, cho chị Huỳnh Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị M không yêu cầu cấp dưỡng.

Cháu Tr có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0013043 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi án dân sự khu vực 5 – An Giang).

5. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Ngọc M anh Tô Phước H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND KV 5- AG;
- THADS tỉnh AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên